

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 16-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Công Tuy, nghề nghiệp: Chủ tịch Hội nông dân.

Bà Trần Thị Nga, nghề nghiệp: Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày: 02/9/2001, tại huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, kết luận giám định về độ tuổi xác định: thời điểm giám định (9/2018) bị cáo L có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 01 tháng 13 ngày. Nơi cư trú: ấp VĐ, xã LĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Th, sinh năm: 1977 và bà Lê Hồng CH, sinh năm: 1975; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 07/12/2017 Tòa án nhân dân huyện ĐH quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Văn G, sinh ngày: 12/3/2000, tại huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: ấp VL, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1960 và bà Đặng Thị H, sinh năm: 1963; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: ngày 30/11/2017 Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, hình phạt 09 tháng tù, đã chấp hành xong, không tính án tích; tiền sự: Không; Nhân thân: xấu; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo G:* bà Đặng Thị H, sinh năm: 1963, là mẹ của bị cáo (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn L:* Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm: 1977, là cha của bị cáo (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L, G:* à Phan Kim K- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Phan Văn TR, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

2. Anh Phan Văn M, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

3. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng trú tại ấp Cái Cùng, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1963, trú tại ấp VL, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm: 1977, trú tại ấp VD, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có Tr hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Nguyễn Văn L đã rủ rê bị cáo G cùng đi tìm tài sản để trộm cắp. Vào khoảng 01 giờ ngày 13/11/2017, các bị cáo Nguyễn Văn L và G vào chòi của gia đình ông Phan Văn TR thuộc ấp Cái Cùng, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3 màu đen của anh Phan Văn M, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko màu trắng của ông Phan Văn TR và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy 1, màu đen của bà Lê Thị Th.

Bản kết luận định giá tài sản số 12/HĐ ngày 27/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản Tr tổ tụng hình sự huyện ĐH xác định: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, tên thiết bị là Nokia 3, màn hình cảm ứng, mặt lưng có màu đen x $3.000.000 \times 90\% = 2.700.000$ đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, tên thiết bị là Galaxy 1, màu đen, màn hình

cảm ứng x 2.000.000 đồng x 40% = 800.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 89/HĐ ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản Tr tổ tụng hình sự huyện ĐH xác định: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt lưng sau của máy có màu trắng và dòng chữ “Wiko”, phía trên góc trái của mặt trước máy có chữ “Wiko”; model: Lenny; M_IMEI: 358291061196195, S_IMEI: 358291061256692 đã qua sử dụng, điện thoại đã mua từ năm 2016 với giá 1.000.000 đồng qua xem xét thực tế điện thoại đã cũ, bị trầy xước, Hội đồng thống nhất còn giá trị thực tế trên thị trường = 300.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L, G khai nhận hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng đã truy tố.

Bị hại Phan Văn TR, Phan Văn M và chị Lê Thị Th trình bày: hiện nay gia đình đã nhận lại 02 điện thoại Tr 03 điện thoại đã bị mất. Hơn nữa, bị cáo Nguyễn Văn L là cháu nên cũng không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKS-KSĐT ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Khoản 1 và khoản 3 Điều 54, Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt tù bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 đến 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Khoản 1 và khoản 3 Điều 54, Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt tù bị cáo G từ 03 đến 06 tháng tù.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn G phát biểu tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh các bị cáo xuất thân từ gia đình lao động nghèo, làm thuê. Các bị cáo đều chưa thành niên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L; áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 65, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo G. Đề nghị áp dụng mức hình phạt

thấp nhất cũng như xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng: các bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu Tr hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện ĐH, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố phần lớn thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; có vi phạm về quyết định khởi tố bị can không ghi thời gian, địa điểm phạm tội; không thông báo kết luận giám định về độ tuổi của bị cáo Nguyễn Văn L cho người tham gia tố tụng; Các biên bản giao nhận thủ tục tố tụng đối với bị cáo không biết chữ nhưng không có chữ ký người chứng kiến. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo thực hiện tội phạm trước ngày 01/01/2018, tuy nhiên căn cứ vào điều luật quy định có lợi cho người phạm tội, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH truy tố các bị cáo theo Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng pháp luật.

[2]Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn G lén lút lấy trộm 03 điện thoại của bị hại Phan Văn TR, Phan Văn M và Lê Thị Th. Theo kết luận định giá thì 03 điện thoại trị giá 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, không chỉ gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng Tr người dân, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, điều luật quy định khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét về nhân thân: bị cáo Nguyễn Văn L đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng lý do bị cáo nhiều lần trộm cắp tài sản nhưng không xử lý hình sự được vì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo G bị xét xử vào ngày 30/11/2017 về tội “trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần nhưng không tính án tích vì bị cáo là người chưa thành niên.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo G thành khẩn khai báo, mẹ bị cáo giao nộp tài sản bị lấy trộm là 01 điện thoại Wiko màu trắng và 01 điện thoại Nokia 3 màu đen đã làm giảm bớt tác hại gây ra là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết trên xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp, phải áp dụng điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mới phù hợp. Riêng người bào chữa cho 02 bị cáo đề nghị áp dụng Điều 65 cho 02 bị cáo được hưởng án treo là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo có nhân thân xấu và mặc dù có nơi cư trú rõ ràng nhưng thực tế các bị cáo không sinh sống ổn định tại nơi cư trú nên không đủ căn cứ áp dụng Điều 65 quy định điều kiện cho hưởng án treo đối với các bị cáo.

[3] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại Wiko màu trắng của ông Phan Văn TR và 01 điện thoại Noika 3 màu đen của anh Phan Văn M là tài sản các bị cáo đã lấy trộm, trả lại cho ông Tr và anh M là đúng quy định pháp luật. Riêng 01 điện thoại Samsung Galaxy 1 của chị Lê Thị Th không tiến hành truy tìm được.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông Tr và anh M đã nhận lại tài sản là các điện thoại bị mất, không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy 1 của bị hại Lê Thị Th không truy tìm được nhưng chị Th cũng không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo G thuộc hộ nghèo được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng: Không đặt ra xem xét.

3. về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: miễn án phí cho bị cáo G.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này Tr thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Tr thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Bị hại;
- Viện KSND huyện ĐH;
- Viện KSND tỉnh Bạc Liêu;
- CQĐT CA huyện ĐH;
- Thi hành án hình sự CA huyện ĐH;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm